

LESSON 10

Prepositions of Time & Place



Let's
Learn!

Giới từ chỉ thời gian
và vị trí

Giới từ là những từ kết hợp với danh từ/
cụm danh từ để chỉ **thời gian**, **vị trí**,
nơi chốn hoặc **phương hướng**.

💡 **PREPOSITIONS OF TIME** (giới từ chỉ thời gian)

At (lúc, vào lúc)

at + thời gian trong ngày và vào những ngày lễ

E.g: at 5 o'clock, at 11:45, at midnight, at Christmas

On (vào)

on + ngày, ngày tháng, ngày tháng năm và các ngày cụ thể

E.g: on Wednesday, on 15 April, on 20 July 1992,
on Independence Day, on Friday morning, on my birthday

In (trong, vào)

in + tháng, năm, mùa, thế kỷ, và các buổi trong ngày (ngoại trừ: **at night**)

E.g: in 1998, in September, in March 1999, in the winter, in the 21st century

Note

Không dùng các giới từ *in, on, at* trước *every, last, next, this, tomorrow, yesterday...*

After (sau, sau khi)

E.g: after lunch

Before (trước, trước khi)

E.g: the day before yesterday



Between (giữa hai khoảng thời gian)

E.g: between Monday and Friday

For (trong khoảng thời gian)

E.g: for 20 minutes



Since (từ, từ khi)

E.g: since 1982

Till/ until (đến, cho đến khi)

E.g: He slept from 8 a.m. till/ until 3 p.m.

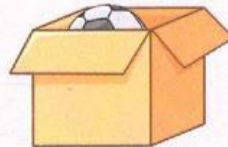
Up to (đến, cho đến)

E.g: Up to now, she's been quiet.





PREPOSITIONS OF PLACE (Giới từ chỉ vị trí)



In the box



On the box



Under the box



Next to the box



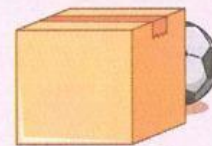
Between the boxes



Among the boxes



In front of
the box



Behind the box



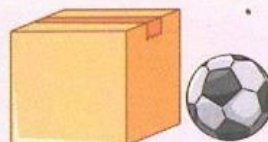
Above the box



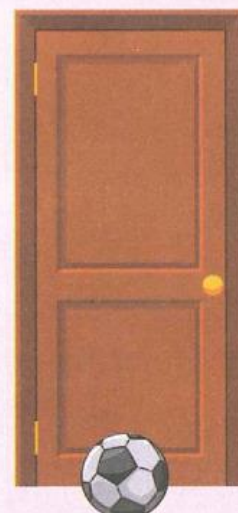
Below the box



Far from
the box



Near the box



At the door

IN

Ở trong (không gian khái quát)

In + vũ trụ, thành phố, thị trấn, quốc gia

E.g. in space; in Ha Noi, in Viet Nam

In + khoảng không gian

E.g. in a row; in the room

In + phương hướng

E.g. in the South/ East/ West/ North

In + phương tiện giao thông cá nhân

E.g. in a car; in a taxi



ON

Trên, ở trên (không gian cụ thể)

On + vị trí trên bề mặt, vị trí

E.g. on the chair, on the left

On + tên đường phố, tầng

E.g. on Le Hong Phong Street; on the second floor

On + phương tiện công cộng (trừ car, taxi, helicopter)

E.g. on the bus



AT

Ở, tại (địa điểm cụ thể)

At + địa chỉ cụ thể

E.g. at 50 Tran Hung Dao Street

At + nơi làm việc/ học tập/ email

E.g. at school, at work, at email address





Under

Phía dưới



Next to

Kế bên



Between

Ở giữa

(khi đề cập đến 2 người/vật)



Among

Ở giữa (khi đề cập đến nhiều hơn 2 người/vật)



In front of

Ở phía trước



Behind

Ở đằng sau



Above

Ở trên

(không tiếp xúc)



Below

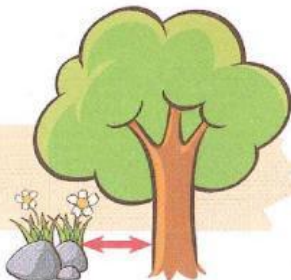
Phía dưới

(không tiếp xúc)



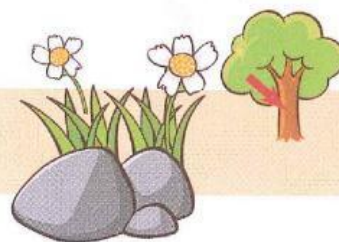
Near

Gần



Far

Xa



Exercise 7: Circle the correct answer.

(Khoanh tròn đáp án đúng.)



- 1 The bus stops (at / on) 21 Oxford Street in London.
- 2 Anne lives (in / on) the 4th floor.
- 3 My mom is waiting for me (at / to) the station.
- 4 Do you live (on / in) Japan?
- 5 There are some apples (in / on) the table.
- 6 My father is (on / in) the phone right now.
- 7 Tom is (under / at) school, his parents are going to pick him up.
- 8 There are four people (at / in) a car.
- 9 The picture is (in / on) the wall.
- 10 We spent the day (on / under) the beach.



Exercise 8: Fill in the blanks with "in, on, at, behind, in front of, from ... to". (Điền giới từ "in, on, at, behind, in front of, from ... to" thích hợp vào chỗ trống.)



- 1 They often go swimming _____ Sundays.
- 2 The meeting lasts _____ 7 a.m. _____ 5 p.m.
- 3 She will be 13 _____ her next birthday.
- 4 We are playing chess _____ the moment.
- 5 It's often rainy _____ July.





- 6 My birthday is September 3rd.
- 7 The party will start seven o'clock the evening.
- 8 He was born April, 2002.
- 9 The dog is the shelf.
- 10 Our teacher is the blackboard.



Exercise 9: Write the following words or phrases in the correct column. (Viết từ / cụm từ vào cột thích hợp.)



2017

Tuesday

Tet holiday

Christmas Day

noon

the morning

Sunday afternoon

midday

the 1980s

half past six

July

March 8th

Tet

six o'clock

winter

IN

ON

AT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Exercise 10: Fill in the blanks with "at, on, in", or "x" where no preposition is necessary. (Điền "at, on, in" hoặc "x" vào chỗ trống.)



A

- 1 They sometimes go shopping the evening.
- 2 They visit their grandparents Saturday evening.
- 3 Did you go to your English class yesterday evening?



B

- 1 Mary was born 2015.
- 2 Mary was born July, 2015.
- 3 Mary was born July 20th, 2015.



C

- 1 Jenny goes swimming Sundays.
- 2 Harry goes swimming every Sunday.
- 3 Anna goes swimming Sunday morning.
- 4 I went swimming last Sunday.



Exercise 11: Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)



- 1 She is studying the library.

A. in

B. on

C. around



- 2 We are staying _____ the Marriott Hotel.
A. between B. on C. at
- 3 The train arrives at the station _____ 7:45 a.m.
A. in B. on C. at
- 4 The cafe is _____ the bookstore and the library.
A. in B. between C. at
- 5 The store opens _____ 10 a.m.
A. in B. between C. at
- 6 The museum opens _____ weekdays.
A. among B. in C. on
- 7 The snowstorm hit us _____ the evening.
A. in B. on C. around
- 8 We have a meeting _____ noon.
A. in B. on C. at
- 9 The party is _____ Saturday night.
A. in B. on C. at
- 10 He lives _____ a cozy apartment downtown.
A. in B. between C. at

Exercise 12: Correct the mistakes.



(Sửa lỗi sai trong những câu dưới đây.)

- 1 Mary and her family live on Japan.

English Grammar for Movers 2

2 Look! That is a helicopter on the sky.

.....

3 Her flat is under the 2nd floor.

.....

4 She live on Tran Hung Dao Street.

.....

5 My house is located at Ha Noi Capital.

.....

6 Look! There's a man onn the roof. What is he doing?

.....

7 I think I heard the doorbell. There's somebody on the door.

.....

8 There is a gas station ta the end of the block.

.....

9 The concert starts in 8 p.m.

.....

10 They are traveling to Europe on next month.

.....